

FEATURES OF ENGLISH INVERSION SENTENCES IN TERM OF THEME - RHEME STRUCTURE

ĐẶC ĐIỂM CÂU ĐẢO NGỮ TIẾNG ANH TRÊN BÌNH DIỆN CẤU TRÚC ĐỀ - THUYẾT

Phạm Thị Hà

Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The article discusses the issues of English inversion sentences from the perspective of the Theme-Rheme structure (message-meaning function) from the view of system functional grammar of MAK. Halliday. The survey results are interpreted as the basis for identifying English inversion sentences in the functional structures of message - meaning that is expressed through the Theme and Rheme components in the same structure. Hence, it helps learners get an overview of inversion patterns in English and identify how to use them effectively in daily communication.*

Key word: *Inversion, theme - rheme, English.*

TÓM TẮT: *Bài viết bàn về vấn đề câu đảo ngữ tiếng Anh xét trên bình diện cấu trúc Đề - thuyết (chức năng nghĩa thông điệp) từ góc nhìn của ngữ pháp chức năng hệ thống MAK. Halliday. Kết quả khảo sát được thuyết giải như là cơ sở để nhận diện câu đảo ngữ tiếng Anh trong các cấu trúc chức năng nghĩa thông điệp được biểu hiện qua các thành phần Đề ngữ và Thuyết ngữ trong cùng một cấu trúc, nhằm giúp người học có cái nhìn tổng quan về các mô hình đảo ngữ trong tiếng Anh và xác định cách sử dụng chúng một cách hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày.*

Từ khóa: *Đảo ngữ, đề - thuyết, tiếng Anh.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương tiện giao tiếp là tất cả những yếu tố mà chúng ta dùng để thể hiện thái độ, tình cảm, mối quan hệ và cả những tâm lý khác của mình. Trong đó, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chủ yếu của con người, bằng ngôn ngữ con người có thể truyền đi bất cứ một loại thông tin nào. Halliday cho rằng, những đòi hỏi của xã hội đã giúp ngôn ngữ hình thành nên cấu trúc của nó. Ông đã làm sáng tỏ sự phát triển của ngôn ngữ từ quan điểm chức năng: “Ngôn ngữ đã tiến hóa để phát triển các nhu cầu của con người và liên quan đến các nhu cầu này, cái phương thức mà nó được tổ chức là chức

năng - nó không phải là vô đoán.” [7]. Ở Việt Nam, quan niệm về ngữ pháp chức năng nhìn chung không khác với quan niệm của các nhà ngữ pháp chức năng trên thế giới. Theo Cao Xuân Hạo [3], ngữ pháp chức năng là “một hệ thống phương pháp được xây dựng trên quan điểm coi ngôn ngữ như là một phương tiện thực hiện sự giao tiếp giữa người và người”. Chính vì vậy, Lý Toàn Thắng [11] đã nhận định: Cùng một sự kiện như nhau diễn ra trước mắt ta nhưng mỗi người có thể cảm thụ sự kiện ấy theo những kiểu chiến lược riêng và do đó khi cần mô tả sự kiện đó bằng câu nói thì sản sinh ra những cấu trúc câu có cú pháp khác nhau.

Trong tiếng Anh, các loại cấu trúc câu rất phong phú và được nhiều nhà ngôn ngữ quan tâm nghiên cứu với nhiều trường phái khác nhau. Việc nắm vững và sử dụng hiệu quả các cấu trúc đảo ngữ sẽ giúp người học đa dạng hóa và làm phong phú thêm cách diễn đạt ngôn ngữ nhằm phục vụ cho những mục đích giao tiếp nhất định.

2. NỘI DUNG

2.1. Câu đảo ngữ tiếng Anh trong cấu trúc Đề - thuyết (chức năng thông điệp) theo quan điểm chức năng hệ thống của MAK. Halliday.

2.1.1. Các khái niệm

a. Đề ngữ và thuyết ngữ

Đề ngữ là thành phần được làm điểm xuất phát điểm của thông điệp; nó là thành phần mà cú liên quan đến.

Yếu tố được chọn làm xuất phát điểm

cho câu được gọi là phần khởi đề (Theme), phần còn lại là phần thuyết (Rheme), tức là phần diễn giải có liên quan đến phần Đề. Quan hệ giữa hai phần này là cấu trúc Đề - Thuyết. Cấu trúc cú pháp của câu gồm hai phần: Đề và Thuyết, ứng với sở Đề và sở Thuyết của mệnh đề. Một thông điệp gồm có một Đề ngữ kết hợp với một Thuyết ngữ.

Như là một cách hướng dẫn khái quát, Đề ngữ có thể được xác định như là thành phần xuất hiện đầu tiên trong cú. Đề ngữ là một thành phần trong một hình thể cấu trúc nhất định, được xem như là một tổng thể; tổng thể của tổ chức cú như là một thông điệp. Đây là hình thể Đề ngữ - Thuyết ngữ. Đề ngữ không nhất thiết phải là một cụm danh từ, nó cũng có thể là một cụm trạng từ hay một cú đoạn. Ví dụ:

Đề ngữ	Thuyết ngữ	
<i>Once upon a time</i>	<i>there were three bears</i>	<i>Ngày xưa ngày xưa có ba con gấu</i>
<i>Very carefully</i>	<i>she put him back on his feet again</i>	<i>Rất thận trọng cô ta kéo anh ta trở lại</i>
<i>For want of a snail</i>	<i>the shoe was lost</i>	<i>Vì cần một cái đinh mà chiếc giày bị mất</i>

Cùng nhận định một hiện tượng, điểm xuất phát khác nhau sẽ cho ra những câu có Đề khác nhau, do đó không đồng nghĩa với nhau.

Có hai giả định: Một là Đề ngữ của một cú chỉ bao gồm một thành phần cấu trúc. Hai là, thành phần này chỉ được thể hiện bằng một đơn vị - một cụm danh từ, một cụm trạng từ hay một cú đoạn. Mỗi biến thể bổ sung phổ biến của mẫu thức này là thành phần trong đó Đề ngữ bao gồm hai hoặc nhiều hơn hai cụm từ tạo nên một cấu trúc

đơn lẻ. Bất kì thành phần nào của cấu trúc cú cũng đều có thể được biểu hiện bằng một tổ hợp (complex) gồm hai hoặc nhiều hơn hai cụm từ. Tổ hợp các cụm từ như vậy đóng chức năng Đề ngữ theo cách thông thường. Những Đề ngữ như vậy vẫn nằm trong phạm trù Đề ngữ đơn. Bất kì cụm từ phức hay cú đoạn phức nào cũng đều tạo nên một thành phần đơn lẻ trong cú và tạo thành một cụm danh từ phức. Đây chỉ là một thành phần trong cú, vì vậy nó hình thành nên một đề ngữ đơn. Trong tiếng

Anh, thành phần Thức được lựa chọn điền hình làm Đề ngữ trong cú. Bất kỳ cú độc lập nào cũng đều có sự lựa chọn về Thức. Một cú chính hoặc có thức chỉ định hoặc có thức cầu khiến; nếu nó là Thức chỉ định (indicative) thì nó hoặc là thức tuyên bố (declarative) hoặc là thức nghi vấn (interrogative); nếu nó là Thức nghi vấn thì nó hoặc là Thức nghi vấn có cực (kiểu cú yêu cầu trả lời có - không) hoặc thức nghi vấn có nội dung (kiểu câu hỏi có thành phần WH-). Có hai loại đề ngữ đặc trưng sau:

+ Đề ngữ không đánh dấu:

Sự trùng khớp giữa Đề ngữ và Chủ ngữ là Đề ngữ không đánh dấu. Nói cách khác Chủ ngữ là thành phần được lựa chọn để làm Đề ngữ.

+ Đề ngữ đánh dấu:

Theo Halliday [4], tính đánh dấu là một khái niệm được các nhà ngôn ngữ dùng để ám chỉ sự lệch chuẩn (markedness is a concept used by linguists to refer to departure from the norm). Ví dụ, trong tiếng Anh có thể đặt một bổ ngữ hay vị ngữ ở vị trí đầu trong một mệnh đề (nhưng không phổ biến) như:

- Beautiful were her eyes

- I knew he was going to cause trouble and cause trouble he did

Một bổ ngữ/vị ngữ ở vị trí này được đánh dấu cao và được lựa chọn cụ thể để làm nổi bật một thành phần riêng biệt làm chủ đề của mệnh đề hay điểm xuất phát, hơn nữa đây là sự lựa chọn có nghĩa của người nói/người viết trong quá trình giao tiếp. Như vậy, theo mô hình của Halliday, sự lựa chọn đề được biểu thị bằng cách đặt một trong những thành phần câu ở vị trí đầu của

mệnh đề.

Khi một thành phần nào đó xuất hiện ở đầu cú thì nó tạo thành sự lựa chọn Đề ngữ “đánh dấu”. Những đề ngữ đánh dấu như vậy thường thể hiện hoặc một kiểu hoàn cảnh cho cú hoặc một đặc điểm tương phản.

b. Cấu trúc thông điệp

Thông điệp được hiểu là tin được mã hóa thành lời nói hoặc lời viết và truyền đi từ người phát đến người nhận (không tính đến thái độ của người nói như khi xét câu làm lời trao đổi, làm thông báo).

Trong một tình huống cụ thể, câu (cú) phải được tổ chức phù hợp hoặc với những cái đi trước và những cái đi sau trong văn bản (các yếu tố đồng văn bản co-text), hoặc phù hợp với tình huống bên ngoài lời (ngữ cảnh tình huống - context of situation). Trong trường hợp này cú được coi như một thông điệp.

Cách tổ chức câu như một thông điệp giúp cho chức năng biểu hiện và chức năng lời trao đổi của câu được thực hiện trong từng tình huống cụ thể. Cách tổ chức câu như một thông điệp, một mặt không phá vỡ các quy tắc cú pháp của một ngôn ngữ cụ thể, mặt khác nó không bị ràng buộc quá chặt vào những khuôn hình cú pháp cứng nhắc của một ngôn ngữ. Do đó, cách tổ chức câu như một thông điệp có tính chất rất khái quát và rất linh hoạt. Việc tổ chức câu theo cách khái quát của thông điệp đòi hỏi trước hết phải chọn từ ngữ làm xuất phát điểm của câu.

2.1.2. Câu đảo ngữ tiếng Anh trong cấu trúc Đề - thuyết (chức năng thông điệp) theo quan điểm chức năng hệ thống của MAK. Halliday.

a. Câu đảo ngữ tiếng Anh trong cấu trúc Đề - thuyết với cú trình bày

Theo Greenbaum và Quirk [4], vị trí đầu câu (fronting) đòi hỏi có một đề được đánh dấu bằng cách chuyển một thành phần mệnh đề lên vị trí đầu mà thành phần này bất thường ở vị trí đó. Cụ thể:

+ *Vị trí đầu câu của trạng ngữ chỉ thời gian hoặc nơi chốn*

Ví dụ: *In China the book received a great deal of publicity.*

Đây là câu trúc được đánh dấu nhưng không được đánh dấu cao vì trạng ngữ vốn có vị trí linh hoạt trong tiếng Anh.

Vị trí đầu câu của trạng ngữ tiếng Anh cũng có thể biểu thị tính tương phản. Quan trọng hơn là việc đề hóa trạng ngữ chỉ nơi chốn/thời gian cũng rất phổ biến ở một số kiểu văn bản trong tiếng Anh vì việc đề hóa này tạo ra phương pháp phát triển văn bản.

+ *Vị trí đầu câu của tân ngữ hoặc bổ ngữ*

Ví dụ: **A great deal of publicity** the book received in China.

Well-publicized the book was.

Vị trí đầu câu của tân ngữ và bổ ngữ được đánh dấu hơn vị trí đầu câu của trạng ngữ trong tiếng Anh, vì tân ngữ và bổ ngữ nói chung đều có vị trí tương đối cố định. Tuy nhiên, không giống như trạng ngữ, việc đặt một tân ngữ/bổ ngữ ở vị trí đầu câu không tạo ra phương pháp phát triển văn bản. Trong tiếng Anh, hiệu quả của việc đề hóa tân ngữ [2] là tạo ra sự tương phản và nhấn mạnh thái độ của người nói với thông tin.

Ví dụ: I think I get on with her very well but **him** I really cannot bear. **People like that** I just can't stand.

Ở tiếng Anh lẫn tiếng Việt, vị trí đầu câu của tân ngữ biểu thị cái đã biết. Tính chất đã biết của nó được thể hiện bằng: định ngữ, mệnh đề, các danh từ riêng, các đại từ nhân xưng. Trường hợp bổ ngữ đứng đầu câu vẫn thấy ở tiếng Anh và tiếng Việt nhưng lại không phổ biến và cũng được nhấn mạnh hơn so với trật tự thông thường.

+ *Vị trí đầu câu của vị ngữ*

Ví dụ: *They promised to publicize the book in China, and publicize it they did.*

Trong tất cả lựa chọn đề ở tiếng Anh, đây là sự lựa chọn được đánh dấu nhiều nhất. Ngoài việc đặt vị ngữ đầu câu, sự lựa chọn này liên quan đến việc sắp xếp lại các thành phần mệnh đề và điều chỉnh hình thái nhóm động từ. Các ví dụ có vị ngữ đặt đầu câu có tần số xuất hiện khá thấp.

Đề vị ngữ (predicated theme)

Đề vị ngữ liên quan đến việc sử dụng “cấu trúc - it” (it - structure) còn gọi là cấu trúc chêm xen (cleft structure) để đặt một thành phần gần đầu mệnh đề.

Ví dụ: *It was the book that received a great deal of publicity in China. It was a great deal of publicity that the book received in China. It was in China that the book received a great deal of publicity.*

Đề vị ngữ là một cấu trúc đánh dấu cho phép người nói/người viết chọn một thành phần như là chủ ngữ vốn là một đề không được đánh dấu của câu tường thuật (declarative clause) tiếng Anh thành một đề được đánh dấu. Các cấu trúc đánh dấu nói trên có thể dịch sang tiếng Việt bằng cách dùng từ “chính”, từ chuyên đánh dấu phần thuật đề (thuyết ngữ) đi trước trong tiếng Việt. Cũng như các đề đánh dấu khác, đề vị

ngữ thường hàm ý tương phản.

Đề nhận dạng (identifying theme)

Đề nhận dạng cũng tương tự như đề vị ngữ. Thay vì sử dụng “cấu trúc - it”, đề nhận dạng đặt một thành phần ở vị trí đề, biến thành phần này thành một danh hoá (nominalization) dùng cấu trúc - *Wh* hay còn gọi là cấu trúc chêm xen giả (pseudo-cleft structure)

Ví dụ: *What the book received in China was a great deal of publicity.*

Một trong những chức năng quan trọng của hai cấu trúc trên là báo hiệu thông tin và cả hai đều đánh dấu nhưng khá phổ biến trong tiếng Anh vì chúng có thể cung cấp một chiến lược đề hoá nhằm khắc phục sự hạn chế của trật tự từ lại cho ta biết vị trí tin cũ - tin mới mà không phụ thuộc vào ngữ điệu. Tuy nhiên, sự phân biệt là đề vị ngữ thành phần đề được xem là tin mới thì ở đề nhận dạng thành phần đề được xem là tin cũ. Dấu nhấn hay trọng âm cũng cung cấp một tín hiệu về vị trí thông tin trong tiếng Anh nói, vì lẽ đó đề vị ngữ và đề nhận dạng thường có khuynh hướng phổ biến trong văn viết hơn văn nói. Trái lại các hình thái tương đương với 2 cấu trúc này như “chính”, “cái mà”/ “điều mà... là...” được dùng trong văn nói cũng như văn viết ở tiếng Việt, nơi trọng âm vốn thường không được xem là một phương thức cho biết vị trí thông tin hoặc nếu có cũng bị “lấn át” bởi thanh điệu.

Thành phần được lựa chọn làm Đề ngữ trong cú còn phụ thuộc vào sự lựa chọn của Thúc. Cụ thể:

Trong một cú tuyên bố, mẫu thức đề ngữ điển hình là mẫu thức đề ngữ trùng

khớp với chủ ngữ. Sự trùng khớp giữa chủ ngữ và đề ngữ là đề ngữ không đánh dấu. Đề ngữ không trùng với chủ ngữ trong cú tuyên bố là đề ngữ đánh dấu (marked theme). Hình thức phổ biến nhất của đề ngữ đánh dấu là cụm trạng từ hay cú đoạn đóng chức năng phụ ngữ trong cú. Khả năng làm đề ngữ ít nhất là thành phần bổ ngữ; nó là một cụm danh từ nhưng lại không đóng chức năng làm chủ ngữ. Đôi khi, bổ ngữ trong nội bộ một cú đoạn đóng chức năng đề ngữ, đặc biệt trong các tổ hợp có tính thành ngữ giữa giới từ và động từ.

b. Câu đảo ngữ tiếng Anh trong cấu trúc Đề - thuyết với cú nghi vấn

Chức năng điển hình của cú nghi vấn là đề hỏi; từ quan điểm của người nói hỏi là một biểu hiện chỉ ra rằng người hỏi muốn được trả lời một điều gì đó. Có hai kiểu câu hỏi chính: kiểu thứ nhất là kiểu mà người nói muốn biết về thái cực (polarity) “có hay không”; kiểu thứ hai là kiểu mà người nói muốn biết về căn cước hay sự nhận diện một thành phần nào đó trong nội dung. Trong cả hai kiểu câu hỏi, thành phần chỉ ra cái mà người nói muốn biết xuất hiện ở đầu cú. Trong câu hỏi cần trả lời có/không, thành phần đóng chức năng đề ngữ là thành phần mang cách diễn đạt thái cực, đó là các tác tử động từ hữu định (finite verbal operator). Tác tử trong tiếng Anh là thành phần thể hiện thái cực khẳng định và phủ định: *is/isn't, do/don't, can/can't,...* Trong cú nghi vấn có/không tác tử hữu định được đặt trước, trước cả chủ ngữ. Trong câu hỏi có thành phần WH-, câu hỏi tìm kiếm phần thông tin bị thiếu, thành phần đóng chức năng đề ngữ là thành phần yêu cầu phần

thông tin này, đó là thành phần WH-. Chính thành phần WH- thể hiện bản chất của phần thông tin thiếu: who (ai), what (cái gì), when (khi nào), how (như thế nào)...

Vì vậy, trong cú nghi vấn wh- được đặt ở vị trí đầu, bất kể chức năng nào nó có trong cấu trúc thức của cú: chủ ngữ, phụ ngữ hay bổ ngữ. Các cú nghi vấn thể hiện nguyên tắc đề tính trong đặc điểm cấu trúc của nó. Chính do đặc điểm của nó trong tiếng Anh mà một thành phần nào đó được đứng trước; lí do để giải thích cho hiện tượng này là, do chính bản chất của câu hỏi, thành phần đó có vị thế của Đề ngữ. Mỗi lần người nói không lựa chọn để đặt thành phần này lên đầu; sự xuất hiện của nó ở vị trí đầu cú là mẫu thức thông thường qua đó cú nghi vấn được thể hiện. Nó đã trở thành một phần của hệ thống ngôn ngữ và việc giải thích cho điều này thể hiện ở ý

nghĩa đề ngữ được gắn với vị trí đầu tiên trong cú tiếng Anh.

Các cú nghi vấn diễn đạt các câu hỏi. Đề ngữ tự nhiên của một câu hỏi là “tôi muốn được cho biết về một điều gì đó”; câu trả lời được yêu cầu hoặc là một mẫu thông tin hoặc là cách thể hiện thái cực. Vì vậy, việc hiện thực hóa thức nghi vấn bao gồm việc lựa chọn một thành phần chỉ ra kiểu câu trả lời cần thiết và đặt nó ở đầu cú.

Trong cú WH-, đề ngữ chỉ được hình thành bởi thành phần WH-, nghĩa là cụm từ hay cú đoạn trong đó có WH- xuất hiện. Nếu thành phần WH- là một cụm danh từ hay một phần của một cụm danh từ đóng chức năng bổ ngữ trong một cú đoạn, thì cụm danh từ này có thể đóng chức năng đề ngữ cho riêng nó. Trong cú nghi vấn có/không, đề ngữ bao gồm động từ hữu định nhưng nó mở rộng đến tận chủ ngữ. Ví dụ:

Đề ngữ trong cú nghi vấn có thành phần WH-:

<i>Who</i>	<i>killed Cock Robin?</i>	
Đề ngữ	Thuyết ngữ	

Đề ngữ trong cú phân cực có/không:

<i>Can</i>	<i>you</i>	<i>find me an acre of land?</i>
Đề ngữ 1	Đề ngữ 2	Thuyết ngữ

Đề ngữ đánh dấu trong cú nghi vấn:

<i>After tea</i>	<i>will you tell me a story?</i>
Đề ngữ	Thuyết ngữ

c. Câu đảo ngữ tiếng Anh trong cấu trúc Đề-thuyết với cú cầu khiến

Thông điệp cơ bản của một cú cầu khiến là hoặc “tôi muốn bạn làm một cái gì đó” hoặc tôi muốn chúng mình (tôi và bạn) làm một cái gì đó. Chức năng của động từ trong cấu trúc thức (cú như là sự trao đổi) là

chức năng vị ngữ, do đó, chính chức năng vị ngữ là đề ngữ không đánh dấu. Trong các cú cầu khiến phủ định, nguyên tắc của chúng giống với nguyên tắc của cú nghi vấn có/không. Cầu khiến là kiểu cú duy nhất trong đó vị ngữ (động từ) thường làm đề ngữ. Hiện tượng này không phải là không

có thể đổi với các kiểu thức khác, nơi mà động từ có thể đặt ở vị trí đầu cú để tạo cho nó có vị thế đề ngữ. Ví dụ: Forget it I never shall. Nhưng đây là một sự lựa chọn đề ngữ đánh dấu trong tất cả các sự lựa chọn.

Thành phần nào của cú được lựa chọn điển hình là Đề ngữ phụ thuộc vào sự lựa chọn Thức. Mẫu thức của nó có thể được trình bày như sau:

Thức của cú	Đề ngữ điển hình (không đánh dấu)
- Tuyên bố - Nghi vấn có/không - Nghi vấn bộ phận (tiểu cục) (câu hỏi có thành phần <i>wh-</i> trong tiếng Anh) - Cầu khiến “bạn” - Cầu khiến “bạn và tôi” - Cảm thán	Cụm danh từ đóng chức năng chủ ngữ Từ đứng đầu cú (tác tử hữu định) của cụm động từ cộng với cụm danh từ đóng chức năng chủ ngữ Cụm danh từ, cụm trạng từ hay cú đoạn đóng chức năng là thành phần nghi vấn có <i>wh-</i> Cụm động từ đóng chức năng vị ngữ cộng với hình thức <i>don't</i> đứng trước nếu là cú phủ định. <i>Let's</i> (chúng ta hãy) cộng với hình thức <i>don't</i> đứng trước nếu là cú phủ định Cụm danh từ hay cú đoạn đóng chức năng thành phần cảm thán có <i>wh</i> trong tiếng anh

Nguyên tắc phù hợp của cấu trúc đề ngữ là: Đề ngữ thường chứa một và chỉ một trong số những thành phần kinh nghiệm: hoặc là tham thể hoặc là chu cảnh hoặc là quá trình. Một tham thể đóng chức năng đề ngữ tương ứng gần nhất với thành phần chủ đề trong các thành phần chủ đề (thuật đề) và được gọi là đề ngữ chủ đề. Đề ngữ được mở rộng từ đầu cú đến thành phần thứ nhất có chức năng trong chuyển tác và được gọi là đề ngữ chủ đề. Vì vậy, đề ngữ của một cú bao gồm đề ngữ chủ đề và bất kỳ thành phần nào đứng trước nó. Đề ngữ chỉ gồm một thành phần kinh nghiệm và thành phần này có thể đứng sau các chức năng liên nhân và ngôn bản, chúng cũng là một thành phần của đề ngữ. Vị trí điển hình của nó là: Đề ngữ ngôn bản + Đề ngữ liên nhân + Đề ngữ

kinh nghiệm. Thành phần đứng sau nó là thành phần thuyết ngữ.

Đề ngữ ngôn bản là bất kỳ tổ hợp nào của: đề ngữ chuyển tiếp, đề ngữ cấu trúc và đề ngữ liên hợp. Đề ngữ ngôn bản chỉ ra các dấu hiệu di chuyển trong khi bắt đầu giao tiếp, là một phản ứng trong hội thoại, một sự di chuyển sang một điểm khác của cùng một người nói. Đề ngữ cấu trúc là thành phần có tính bắt buộc gồm liên từ và quan hệ từ *Wh-*. Đề ngữ liên hợp là thành phần phụ ngữ liên hợp, trong đó phụ ngữ đứng trước chủ đề.

Đề ngữ liên nhân là tổ hợp của: Đề ngữ hô ngữ, đề ngữ tình thái và đề ngữ đánh dấu thức. Đề ngữ hô ngữ được dùng để xưng hô, nó có thể xuất hiện ở vị trí nào trong cú và có đề tính nếu nó đứng trước đề ngữ chủ đề.

Đề ngữ tình thái là bất kì phụ ngữ tình thái nào và thường đứng trước đề ngữ chủ đề. Đề ngữ đánh dấu thức là tác tử hữu định của động từ nếu nó đứng trước đề ngữ chủ đề hay thành phần nghi vấn Wh- (hay let's - cầu khiến) khi nó không đứng sau một thành phần kinh nghiệm khác.

3. KẾT LUẬN

Nhà ngôn ngữ học chức năng M.A.K Halliday quan niệm chính trong lời nói tự nhiên, đang hoạt động mà hệ thống ngữ pháp của một ngôn ngữ được khai thác một cách đầy đủ nhất. Ngữ pháp chức năng về cơ bản là ngữ pháp tự nhiên với nét nghĩa là mọi hiện tượng ngôn ngữ cuối cùng đều có thể giải thích được trong mối quan hệ với việc ngôn ngữ được sử dụng như thế nào. Các thành phần cơ bản về ý nghĩa trong ngôn ngữ là các thành phần chức năng.

Đối với một ngôn ngữ, để có một cấu trúc đảo trật tự từ thì phải có giả thuyết rằng có một mô hình cơ bản mà từ đó trật tự của chủ ngữ và động từ được đảo vị trí cho nhau. Nếu trật tự từ cơ bản là S-V (chủ ngữ - động từ) hay S-V-O (chủ ngữ - động từ - bổ ngữ) xét trên bình diện tổng quát, sự tuân thủ nguyên tắc của trật tự từ phải được đòi hỏi là một hệ quả tự nhiên. Vì vậy, trong tiếng Anh hiện đại, việc đảo trật tự từ thể hiện bối cảnh của tình trạng không tuân

theo logic của một cấu trúc tiếng Anh như S-V-O và một trật tự từ cứng nhắc của ngôn ngữ. Các cuộc tranh luận về loại hình trật tự thành tố được đơn giản hóa rất nhiều ở nhiều bình diện khác nhau.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu câu đảo ngữ tiếng Anh trong cấu trúc Đề - thuyết (chức năng thông điệp) theo quan điểm chức năng hệ thống của MAK. Halliday biểu hiện trên ba thể cấu trúc: câu đảo ngữ tiếng Anh với cú trình bày; câu đảo ngữ tiếng Anh với cú nghi vấn và câu đảo ngữ tiếng Anh với cú cầu khiến.

Theo đó, sự thay đổi trật tự từ là một quá trình cú pháp nhằm chuyển đổi một cấu trúc cơ bản “không đánh dấu” thành một cấu trúc “có đánh dấu”. Phép cải biến này được áp dụng cho những câu thực (actual clauses). Phép cải biến ở đây không liên quan đến những quá trình tâm lí hay tinh thần diễn ra trong đầu óc con người khi nói hoặc viết, mà nó chỉ có vai trò trong việc miêu tả hình thái của câu. Các phép cải biến cho phép tạo ra những câu phát sinh từ các câu hạt nhân - tức là những câu đơn, trần thuật, khẳng định, dạng chủ động không có các danh ngữ và động ngữ phức tạp; toàn bộ các câu khác đều được phát sinh từ những câu hạt nhân hay nhờ vào phép cải biến (transformation).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Biber, Douglas et al. (1999), *Longman Grammar of Spoken and Written English*, Longman, London.
- [2] Birner, B.J. (1995), “*Pragmatics Constraints on the verb in English Inversion*”, *Lingua* (97), Elsevier, pp. 233-256.
- [3] Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt: Sơ thảo cấu trúc chức năng*, quyển 1. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Greenbaum, Sidney & Quirk Randolph. (1990), *A Student's grammar*. Longman.
- [5] Eastwood, J. (1994), *Oxford guide to English grammar*, OUP.
- [5] Fillmore, C.J.

- (1999), *Inversion and constructional inheritance*, In G. Webelhuth, J. Koenig.
- [6] Halliday. M.A.K. (1973), *Explorations in the Functions of language*, London. Longman
- [7] Halliday. M.A.K. (1994), *An introduction to functional grammar*, London, Arnold.
- [8] Hemingway, E. (1929), *A Farewell to Arms*. Scribner's Magazine.
- [9] Hemingway Earnest. (1995), *The Collected Stories*, David Campell Publishers Ltd., 79 Berwick Street, London.
- [10] Hemingway Earnest. (1952), *The old man and the sea*. Charles Scribner's sons, New York.
- [11] Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn Tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2004), *Khảo sát cấu trúc - ngữ nghĩa của hiện tượng đảo ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
- [13] Swan Michael (1980), *Practical English Usage*, OUP, Oxford
- [14] Tô Minh Thanh (2011), *Vai nghĩa trong câu trần thuật tiếng Việt và tiếng Anh*. Nxb ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [15] www.tienganh123.com/hoc-tieng-anh-voi-tong-thong-my-obama

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được hỗ trợ bởi đề tài cấp cơ sở của Trường Đại học Quảng Bình - Mã số: CS.08.2023.

Liên hệ:

TS. Phạm Thị Hà

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: hathu007@gmail.com

Ngày nhận bài: 30/12/2022

Ngày gửi phản biện: 04/01/2023

Ngày duyệt đăng: 01/8/2023